**ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ I**

**MÔN: GIÁO DỤC KINH TẾ PHÁP LUẬT- KHỐI 12**

**I. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN ÔN TẬP**

Ôn tập các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 1 gồm các bài và chủ đề sau

 Bài 1: Tăng trưởng và phát triển kinh tế

 Bài 2: Hội nhập kinh tế quốc tế

 Bài 3: Bảo hiểm

 Bài 4: An sinh xã hội

**II. CÂU HỎI LUYỆN TẬP**

**PHẦN 1. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn.** Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1:** Dùng để biểu thị thu nhập của nền kinh tế trong một thời kỳ nhất định được tính bằng tổng thu nhập từ hàng hóa, dịch vụ cuối cùng do công dân của quốc gia đó tạo ra trong một năm là

**A.** tổng thu nhập quốc nội ( GDP). **B.** tổng thu nhập quốc dân trên đầu người.

**C.** tổng thu nhập quốc nội trên đầu người. **D.** tổng thu nhập quốc dân ( GNI).

**Câu 2:** Đối với mỗi quốc gia, vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế thể hiện ở việc, thông qua tăng trưởng và phát triển kinh tế sẽ góp phần

**A.** tăng tỷ lệ đói nghèo đa chiều. **B.** gia tăng phân hóa giàu nghèo.

**C.** giải quyết tốt vấn đề việc làm. **D.** gia tăng lệ thuộc vào thế giới.

**Câu 3:** Đối với mỗi quốc gia, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nào dưới đây là tiêu chí đánh giá sự phát triển kinh tế?

**A.** Cơ cấu vùng kinh tế. **B.** Cơ cấu lãnh thổ.

**C.** Cơ cấu ngành kinh tế. **D.** Cơ cấu thu nhập.

**Câu 4:** Một trong những thước đo để đánh giá mức tăng trưởng kinh tế của một quốc gia đó là dựa vào

**A.** chỉ số giảm nghèo đa chiều. **B.** tổng hàng hóa xuất khẩu.

**C.** tổng thu nhập quốc dân. **D.** chỉ số phát triển bền vững.

**Câu 5:** Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững được thể hiện ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững không liên quan đến nhau.

**B.** Tăng trưởng kinh tế không gây ảnh hưởng đến phát triển bền vững.

**C.** Tăng trưởng kinh tế quan trọng nhưng không đảm bảo phát triển bền vững.

**D.** Tăng trưởng kinh tế là điều kiện tiên quyết để đạt được phát triển bền vững.

**Câu 6:** Tăng trưởng và phát triển kinh tế **không** có vai trò nào dưới đây?

**A.** Thực hiện phân phối công bằng. **B.** Nâng cao mức sống người dân.

**C.** Gia tăng khoảng cách giàu nghèo. **D.** Thu hẹp khoảng cách các vùng.

**Câu 7:** Quá trình liên kết, gắn kết giữa các quốc gia, vùng lãnh thổ với nhau thông qua việc tham gia vào các tổ chức kinh tế toàn cầu là một trong những hình thức hội nhập kinh tế quốc tế ở cấp độ

**A.** khu vực. **B.** song phương. **C.** toàn cầu. **D.** toàn diện.

**Câu 8:** Trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, Việt Nam luôn kiên định quan điểm “ lợi ích hài hòa, rủi ro chia sẻ” điều này thể hiện nguyên tắc nào khi hội nhập kinh tế quốc tế?

**A.** Bình đẳng. **B.** Thỏa thuận. **C.** Công bằng. **D.** Cùng có lợi.

**Câu 9:** Trong điều kiện toàn cầu hóa, hội nhập kinh tế quốc tế giúp mỗi quốc gia có cơ hội

**A.** mở rộng lãnh thổ. **B.** mở rộng chủ quyền. **C.** mở rộng thị trường. **D.** mở mang biên giới.

**Câu 10:** Phát biểu nào dưới đây là **sai** về sự cần thiết của hội nhập kinh tế quốc tế?

**A.** Hội nhập kinh tế quốc tế chỉ cần thiết với những quốc gia đang thiếu các nguồn lực về vốn.

**B.** Các nước đang phát triển cần tham gia hội nhập kinh tế quốc tế để tiếp cận và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài.

**C.** Hội nhập kinh tế quốc tế có khả năng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế quốc gia.

**D.** Đối với nước ta, hội nhập kinh tế là con đường ngắn nhất để rút ngắn khoảng cách lạc hậu.

**Câu 11:** Thông qua việc gắn kết nền kinh tế của mình với các quốc gia khác trong khu vực và toàn thế giới, giúp các quốc gia có thể tận dụng được những

**A.** ràng buộc về mặt lãnh thổ. **B.** hỗ trợ từ các tổ chức khủng bố.

**C.** sai lầm của các quốc gia khác. **D.** thành tựu khoa học – công nghệ.

**Câu 12:** Phát biểu nào dưới đây là **sai** về khái niệm bảo hiểm?

**A.** Bảo hiểm chia sẻ tổn thất cho những người tham gia, theo nguyên tắc “số đông bù số ít”.

**B.** Người tham gia bảo hiểm chuyển giao rủi ro cho tổ chức bảo hiểm trên cơ sở đóng phí.

**C.** Khi rủi ro xảy ra, người tham gia bảo hiểm sẽ được bồi thường ngay số tiền đã thiệt bị thiệt hại.

**D.** Tham gia bảo hiểm giúp các cá nhân, nhanh chóng ổn định đời sống vật chất, tinh thần.

**Câu 13:** Loại hình bảo hiểm do Nhà nước tổ chức mà người lao động và người sử dụng lao động thuộc đối tượng theo quy định phải tham gia là

**A.** bảo hiểm thân thể. **B.** bảo hiểm xã hội tự nguyện.

**C.** bảo hiểm xã hội bắt buộc. **D.** bảo hiểm tài sản.

**Câu 14:** Một trong những quyền lợi của người tham gia bảo hiểm xã hội là bị ốm đau hoặc nghỉ thai sản, nếu đủ điều kiện họ sẽ được nhận

**A.** tiền trợ cấp theo quy định. **B.** toàn bộ số tiền đã đóng.

**C.** bảo hiểm thất nghiệp. **D.** chi phí khám chữa bệnh.

**Câu 15:** Về mặt kinh tế, một trong những vai trò của bảo hiểm góp phần giúp các cá nhân và tổ chức tham gia bảo hiểm

**A.** ngày càng lệ thuộc vào nhau. **B.** ổn định được nguồn tài chính.

**C.** thu được nhiều lợi nhuận. **D.** chiếm đoạt tài sản của nhau.

**Câu 16:** Đặc điểm chung của bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp đó là đều do

**A.** Hộ gia đình đứng ra tổ chức. **B.** Nhà nước đứng ra tổ chức.

**C.** doanh nghiệp tư nhân tổ chức. **D.** doanh nghiệp nước ngoài tổ chức.

**Câu 17:** Loại hình bảo hiểm nào dưới đây, trong đó hoạt động của tổ chức bảo hiểm chấp nhận rủi ro của người được bảo hiểm trên cơ sở bên mua bảo hiểm đóng phí bảo hiểm để tổ chức bảo hiểm bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm đã được hai bên kí kết.

**A.** Bảo hiểm ý tế. **B.** Bảo hiểm thất nghiệp.

**C.** Bảo hiểm thương mại. **D.** Bảo hiểm xã hội.

**Câu 18:** Theo quy định của pháp luật, đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp là người lao động và

**A.** cơ quan quản lý lao động. **B.** thân nhân người lao động.

**C.** người sử dụng lao động. **D.** người đào tạo lao động.

**Câu 19:** Khi tham gia bảo hiểm, công dân cần thực hiện trách nhiệm nào sau đây đối với nhà cung cấp dịch vụ bảo hiểm?

**A.** Chấp nhận mọi phát sinh. **B.** Thực hiện hợp đồng đã ký kết

**C.** Che giấu tình trạng bệnh tật. **D.** Chia sẻ mọi thông tin cá nhân.

**Câu 20:** Hệ thống các chính sách can thiệp của Nhà nước và các lực lượng xã hội thực hiện nhằm giảm mức độ nghèo đói, nâng cao năng lực tự bảo vệ của người dân và xã hội trước những rủi ro hay nguy cơ giảm hoặc mất thu nhập, bảo đảm ổn định, phát triển và công bằng xã hội là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** An sinh xã hội. **B.** Bảo hiểm xã hội.

**C.** Chất lượng cuộc sống. **D.** Thượng tầng xã hội.

**Câu 21:** Một trong những vai trò của an sinh xã hội là góp phần giúp các đối tượng được hưởng chính sách an sinh xã hội có thể chủ động, ngăn ngừa và giảm bớt

**A.** phạm tội. **B.** rủi ro. **C.** quyền lợi. **D.** lợi nhuận.

**Câu 22:** Việc nhà nước đầu tư kinh phí để phát triển hệ thống nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp là góp phần thực hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

**A.** Chính sách giải quyết việc làm. **B.** Chính sách dịch vụ xã hội cơ bản.

**C.** Chính sách trợ giúp xã hội. **D.** Chính sách bảo hiểm xã hội.

**Câu 23:** Một trong những mục tiêu của việc thực hiện chính sách trợ giúp xã hội là nhằm giúp các đối tượng yếu thế trong xã hội có thể

**A.** ổn định cuộc sống. **B.** mặc cảm và tự ti.

**C.** từ bỏ cuộc sống. **D.** gia tăng giàu nghèo.

**Câu 24:** Đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, việc thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội sẽ góp phần

**A.** tăng nguồn thu ngân sách. **B.** giảm tỷ lệ lạm phát, thất nghiệp.

**C.** gia tăng thất nghiệp tự nhiên. **D.** nâng cao chất lượng cuộc sống.

**Câu 25:** Việc làm nào dưới đây góp phần thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội về vấn đề giải quyết việc làm?

**A.** Chăm sóc sức khỏe khi ốm. **B.** Chăm sóc sức khỏe ban đầu.

**C.** Chiếm hữu tài nguyên. **D.** Cho vay vốn ưu đãi để sản xuất.

**Câu 26:** Việc làm nào dưới đây của mỗi công dân **không** góp phần vào thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế đất nước?

**A.** Chú trọng nâng cao trình độ ngoại ngữ. **B.** Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn hỗ trợ.

**C.** Làm việc theo nhu cầu sở thích cá nhân. **D.** Tố cáo hành vi phá hoại nền kinh tế.

**Câu 25:** Ngày 11/11/2011 Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam – Chi Lê được ký kết và có hiệu lực từ ngày 1/1/2014, xét về cấp độ hợp tác đây là hình thức hợp tác

**A.** khu vực. **B.** song phương. **C.** châu lục. **D.** toàn cầu.

**Câu 28:** Anh A đến đại lý bán bảo hiểm để mua bảo hiểm trách nhiệm dân sự xe cơ giới cho chiếc xe máy mà mình đang sử dụng. Anh A đã sử dụng loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

**A.** Bảo hiểm y tế. **B.** Bảo hiểm thương mại.

**C.** Bảo hiểm xã hội. **D.** Bảo hiểm thất nghiệp.

**Câu 29:** Theo số liệu của UBND tỉnh V, đến hết tháng 7.2023, đã có trên 218 nghìn người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, chiếm 37,9% lực lượng lao động; đã có gần 8 nghìn lượt người hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Thông tin thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế thất nghiệp?

**A.** Chính sách phát triển kinh tế. **B.** Chính sách giải quyết việc làm.

**C.** Chính sách an sinh xã hội. **D.** Chính sách phát triển nguồn nhân lực.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 30,31**

Trong năm 2024 toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ đóng và cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho gần 631,4 nghìn đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi...; Giải quyết việc làm cho 20,6 nghìn lao động, trong đó xuất khẩu lao động trên 1,9 nghìn người; tổ chức đào tạo nghề cho 17,7 nghìn lao động; tư vấn, giới thiệu việc làm cho gần 38,0 nghìn lao động; 7,5 nghìn lao động được vay vốn ưu đãi giải quyết việc làm. Lao động được hỗ trợ đã sử dụng có hiệu quả nguồn vốn được vay, chủ động vươn lên để từng bước ổn định cuộc sống.

**Câu 30:** Cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho 631,4 nghìn đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo là thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

**A.** Chính sách trợ giúp xã hội. **B.** Chính sách đền ơn đáp nghĩa.

**C.** Chính sách bảo hiểm xã hội. **D.** Chính sách bảo đảm các dịch vụ.

**Câu 31:** Nội dung nào dưới đây thể hiện trách nhiệm của công dân trong thực hiện chính sách an sinh xã hội?

**A.** Cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho 631,4 nghìn đối tượng.

**B.** Tất cả trẻ em dưới 6 tuổi đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

**C.** Lao động được hỗ trợ sử dụng có hiệu quả nguồn vốn vay.

**D.** Giải quyết cho 38,0 nghìn lao động, đào tạo nghề 17,7 nghìn người.

**Đọc thông tin để trả lời các câu hỏi 32,33**

Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo đã góp phần bảo đảm các quyền và lợi ích của người dân. Đến năm 2020, cả nước đã xây dựng, củng cố được hàng vạn ngôi nhà, căn hộ cho người nghèo, xóa bỏ hầu hết nhà tạm ở các thôn, bản; 99% địa bàn đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng biên giới có đường giao thông từ tỉnh đến huyện, xã. Trên 90% người dân đều có thẻ bảo hiểm y tế và được các dịch vụ chăm sóc sức khỏe với chi phí thấp. Hệ thống bệnh viện, trạm y tế và dịch vụ y tế thông suốt từ trung ương đến cơ sở, Việt Nam đã khống chế, đẩy lùi nhiều bệnh dịch nguy hiểm; tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 64 tuổi trong thập kỷ 90 (thế kỷ XX) lên 73-75 tuổi năm 2020.

**Câu 32:** Việc thực hiện tốt công tác xóa đói giảm nghèo sẽ góp phần trực tiếp vào việc thực hiện chỉ số nào dưới đây của phát triển kinh tế?

**A.** Chỉ số phát triển con người. **B.** Chỉ số lao động, việc làm.

**C.** Chỉ số lạm phát tự nhiên. **D.** Chỉ số thất nghiệp cơ cấu.

**Câu 33:** Việc quan tâm bố trí nguồn lực cho công tác xóa đói giảm nghèo là góp phần thực hiện chỉ tiêu nào dưới đây về phát triển kinh tế?

**A.** Tiến bộ xã hội. **B.** Thu nhập quốc dân.

**C.** Thu ngân sách. **D.** Tăng trưởng kinh tế.

**Câu 34:** Nội dung nào dưới đây thể hiện vai trò của tăng trưởng kinh tế đối với việc xóa đói giảm nghèo ở nước ta?

**A.** Xóa đói giảm nghèo sẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

**B.** Tăng trưởng kinh tế là cơ sở để xóa đói giảm nghèo.

**C.** Tăng trưởng kinh tế làm gia tăng tỷ lệ đói nghèo.

**D.** Xóa đói giảm nghèo sẽ hạn chế sự tăng trưởng kinh tế.

**Đọc thông tin để trả lời các câu hỏi 35,36**

Anh H là lao động đã làm việc tại bộ phận xử lí hoá chất tại Công ty X được 03 năm. Hằng năm, anh đều được công ty cho đi khám sức khoẻ định kì. Thời gian gần đây, anh cảm thấy sức khoẻ của mình bị suy giảm nhiều nên anh xin công ty cho nghỉ 05 ngày để đi điều trị. Sau khi điều trị xong, anh H phải chi trả toàn bộ kinh phí điều trị do anh không có bảo hiểm y tế.

**Câu 35:** Công ty X chưa thực hiện đúng quyền của công dân ở nội dung nào dưới đây?

**A.** Bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. **B.** Thực hiện giờ công, ngày công.

**C.** Quyền đảm bảo an sinh xã hội. **D.** Tuyển dụng và bố trí lao động.

**Câu 36:** Theo quy định của pháp luật, anh H phải được công ty X thực hiện đầy đủ các loại hình bảo hiểm nào dưới đây?

**A.** Thất nghiệp, y tế và xã hội. **B.** Thất nghiệp, y tế và thương mại.

**C.** Thương mại, y tế và xã hội. **D.** Xã hội và tự nguyện.

**Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 37,38,39,40**

Hiệp định thương mại Việt Nam – EU bên cạnh cơ hội thì nhiều doanh nghiệp Việt Nam đối mặt với các thách thức khi các quy định của EU chính thức có hiệu lực. Công ty H, chuyên xuất khẩu thủy sản sang EU, sau khi EU áp dụng thẻ vàng khiến hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp giảm mạnh. Để tồn tại, bên cạnh việc tìm kiếm thị trường từ các quốc gia khác, doanh nghiệp chủ động sa thải các công nhân có nhiều năm làm việc tại công ty và tiến hành ký kết hợp đồng lao động thời vụ với lao động mới để không phải thực hiện các chế độ bảo hiểm theo quy định. Chị D đã làm việc tại công ty được 15 năm, sau khi bị sa thải với số tiền trợ cấp từ công ty và trợ cấp thất nghiệp chị đã chủ động đi tìm việc làm mới. Với sự tư vấn của trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh, chị được hỗ trợ tham gia học nghề để có cơ hội chuyển đổi việc làm mới.

**Câu 37:** Từ nội dung trong thông tin trên, nhận định nào dưới đây **không** phải là biểu hiện của hình thức hội nhập kinh tế quốc tế?

**A.** Ký hiệp định thương mại Việt Nam – EU.

**B.** Xuất khẩu thủy sản sang khu vực EU.

**C.** Ban hành quy định về thẻ vàng xuất khẩu thủy sản.

**D.** Xuất khẩu hàng hóa sang các quốc gia ngoài EU.

**Câu 38:** Doanh nghiệp H phải đóng các loại bảo hiểm nào cho người lao động làm việc tại công ty?

**A.** Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và y tế. **B.** Bảo hiểm xã hội, thất nghiệp và thương mại.

**C.** Bảo hiểm thương mại và thất nghiệp. **D.** Bảo hiểm y tế và thương mại

**Câu 39:** Trung tâm giới thiệu việc làm tỉnh đã hỗ trợ chị D tham gia học nghề để chuyển đổi việc làm là phù hợp với chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

**A.** Chính sách trợ giúp xã hội. **B.** Chính sách thu nhập và việc làm.

**C.** Chính sách bảo hiểm. **D.** Chính sách về các dịch vụ xã hội.

**Câu 40:** Hợp đồng thời vụ mà công ty H ký kết với các lao động mới là loại hợp đồng có thời hạn

**A.** dưới 1 tháng. **B.** trên 1 tháng. **C.** dưới 2 tháng. **D.** trên 3 tháng.

**Đọc thông tin để trả lời các câu hỏi 41,42,43**

Năm 2022, với việc triển khai đồng bộ các chính sách an sinh, công tác an sinh xã hội nước ta đã mang lại nhiều kết quả tích cực. Cụ thể. tổng giá trị tiền và quà hỗ trợ cho các đối tượng là hơn 14,4 nghìn tỷ đồng. Trong đó hỗ trợ cho các đối tượng người có công, thân nhân người có công là 4,7 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ cho hộ nghèo và cận nghèo là 2,4 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ cứu đói cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 là hơn 2,7 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ tình hình đột biến, bất thường, nổi bật phát sinh tại địa phương là gần 4,6 nghìn tỷ đồng. Có gần 29,8 triệu thẻ bảo hiểm xã hội/số/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng thụ hưởng.

*(Nguồn: Tổng cục thống kê niên giám thống kê 2022 NXB thống kê)*

**Câu 41:** Nhà nước hỗ trợ 4,6 nghìn tỉ đồng cho các trường hợp đột biến, bất thường, nổi bật phát sinh tại địa phương là thực hiện chính sách nào trong hệ thống chính sách an sinh xã hội ở nước ta?

**A.** Hỗ trợ thu nhập và giảm nghèo. **B.** Trợ cấp xã hội đột xuất.

**C.** Trợ cấp xã hội thường xuyên. **D.** Bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

**Câu 42:** Những hoạt động hỗ trợ của Nhà nước trong thông tin trên thể hiện chính sách an sinh xã hội nào dưới đây?

**A.** Chính sách trợ giúp xã hội. **B.** Chính sách bảo hiểm xã hội.

**C.** Chính sách bảo đảm các dịch vụ. **D.** Chính sách hỗ trợ việc làm.

**Câu 43:** Trong các gói hỗ trợ an sinh xã hội năm 2022, gói nào chiếm tỷ lệ lớn nhất?

**A.** Hỗ trợ cho hộ nghèo và cận nghèo.

**B.** Hỗ trợ tình hình đột biến, bất thường tại địa phương.

**C.** Hỗ trợ cho các đối tượng người có công và thân nhân người có công.

**D.** Hỗ trợ cứu đói cho các đối tượng bảo trợ xã hội theo Nghị định số 20/2021/NĐ-CP.

**PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai.***. Trong mỗi ý* ***a), b), c), d)*** *ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.*

**Câu 1:** Đọc đoạn thông tin sau:

Ngày 6/1/2025 Tổng cục thống kê thông báo kết quả phát triển kinh tế của Việt Năm năm 2024. Theo đó, GDP năm 2024 ước tính tăng 7,09% so với năm trước. GDP bình quân đầu người tương đương 4.700 USD. Tỷ lệ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2024 (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025) ước khoảng 2,4%, giảm 1 điểm phần trăm so với năm 2023, kinh phí hỗ trợ cho người có công và thân nhân người có công với cách mạng là gần 33,9 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ cho đối tượng bảo trợ xã hội là 27,3 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn, hộ chính sách xã hội là hơn 4,9 nghìn tỷ đồng; hỗ trợ bất thường phát sinh tại địa phương là hơn 3,8 nghìn tỷ đồng. Có hơn 26,7 triệu thẻ bảo hiểm xã hội/sổ/thẻ khám chữa bệnh miễn phí được phát, tặng cho các đối tượng thụ hưởng.

 a) Hỗ trợ bất thường phát sinh tại địa phương là hơn 3,8 nghìn tỷ đồng thể hiện chính sách bảo đảm các dịch vụ xã hội cơ bản.

 b) Kết quả giảm nghèo không phải là tiêu chí để đánh giá sự phát triển kinh tế mà là tiêu chí để phản ánh hiệu quả của chính sách an sinh xã hội.

c) Tốc độ tăng GDP tỷ lệ nghịch với tốc độ tăng GDP bình quân theo đầu người.

d) Hỗ trợ các đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ các hộ nghèo thể hiện chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội của nhà nước.

**Câu 2:** Đọc đoạn thông tin sau:

Theo Tổng cục thống kê, tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD (so với mức 2.100 USD năm 2015). Lạm phát giữ ở mức dưới 5%. Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội; năm 2014 đã có 1,4 triệu người tham gia bảo hiểm xã hội, trên 8,5 triệu người tham gia bảo hiểm thất nghiệp, trên 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế. Đời sống nhân dân được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người đạt 2.052 USD/người (2014). Tuổi thọ trung bình đạt 73,5 tuổi (2015). Hoàn thành nhiều mục tiêu Thiên niên kỷ.

­a) Mức tăng trưởng 7%/năm trong giai đoạn 2016 – 2020 là mức tăng GDP.

b) Tăng trưởng kinh tế tỷ lệ nghịch với việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.

c) Tỷ lệ 72% dân số tham gia bảo hiểm y tế thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm.

d) Thu nhập bình quân đầu người năm 2014 đạt 2.052 USD/người là chỉ tiêu phản ánh sự tăng trưởng kinh tế của nước ta trong năm 2024.

­**Câu 3:** Đọc đoạn thông tin sau:

Kể từ khi chính thức gia nhập WTO, Việt Nam đã ghi nhận những thành tựu về phát triển kinh tế. Việt Nam trở thành nền kinh tế có độ mở cao, tới 200% GDP và cải thiện cán cân thương mại hàng hóa, chuyển từ nhập siêu sang xuất siêu trong giai đoạn 2016 - 2020. Đối với các ngư dân vùng biển đã thay đổi để phù hợp với quy định của các nước. Thủy sản sau khi được khai thác đều đã có ghi chép cụ thể về ngư trường và thời gian đánh bắt để phục vụ cho việc kiểm tra sau này nhờ đó hàng thủy sản Việt Nam ngày càng được nhiều đối tác nước ngoài sử dụng. Bên cạnh đó nhà nước có chính sách hỗ trợ các ngư dân vay vốn đóng tàu vỏ sắt để vươn khơi bám biển và chính sách hỗ trợ lãi xuất giúp các ngư dân yên tâm sản xuất đồng thời góp phần bảo vệ biên giới quốc gia.

­a) Gia nhập WTO là biểu hiện của hội nhập toàn cầu.

b) Nhập siêu là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia.

c) Việc ghi chép cụ thể về ngư trường đánh cá phục vụ hoạt động xuất khẩu là thể hiện trách nhiệm của công dân trong việc hội nhập kinh tế quốc tế.

d) Hỗ trợ các ngư dân về lãi xuất để yên tâm vươn khơi bám biển là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội ở nước ta.

**Câu 4:** Đọc đoạn thông tin sau:

Cơ cấu kinh tế ngành và nội ngành chuyển biến tích cực. Tỉ trọng lao động nông, lâm nghiệp và thuỷ sản trong tổng số lao động cả nước giảm từ 48,6% năm 2010 xuống còn 34% năm 2020. Tỉ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3%; ngành dịch vụ từ 29,7% lên khoảng 35,7%. Đời sống người dân được cải thiện; thu nhập bình quân đầu người tăng 3,1 lần, từ 16,6 triệu đồng năm 2010 lên 51,5 triệu đồng năm 2019. Mạng lưới y tế phát triển rộng khắp, chất lượng khám, chữa bệnh và y đức được nâng cao. Tuổi thọ trung bình tăng từ 72,9 tuổi năm 2010 lên 73,7 tuổi vào năm 2020.

a) Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là tiêu chí để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế của mỗi quốc gia.

b) Tỉ trọng lao động ngành công nghiệp và xây dựng tăng từ 21,7% lên 30,3% là đi ngược lại với xu hướng phát triển kinh tế của mỗi gia.

c) Mạng lưới y tế được phát triển rộng khắp là kết quả của việc thực hiện chính sách an sinh xã hội.

d) Để chính sách an sinh xã hội thực sự mang lại hiệu quả các quốc gia cần thực hiện tốt quy trình: Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế sau đó dành nguồn lực để thực hiện an sinh xã hội.

**Câu 5:** Đọc đoạn thông tin sau:

Ông T chủ doanh nghiệp tư nhân chuyên về xây dựng. Với tính chất đặc thù là xây dựng theo công trình, vì vậy ông T đã thỏa thuận và được các công nhân đồng ý ký hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 - 4 tháng, các chế độ bảo hiểm do công nhân tự đóng. Anh M làm việc cho ông T đã nhiều năm nay, trong một lần tham gia xây dựng công trình, vì không được trang bị bảo hộ lao động, anh bị tai nạn nghiêm trọng phải nhập viện điều trị. Do không có bảo hiểm y tế, gia đình lại gặp nhiều khó khăn vì vậy anh M không thể lo đủ số tiền lớn để làm phẫu thuật. Nắm bắt được thông tin này, phòng công tác xã hội bệnh viện P đã kêu gọi các nhà hảo tâm hỗ trợ giúp anh M có đủ số tiền để được chữa trị kịp thời.

a) Các công nhân làm việc cho ông T tự đóng các loại bảo hiểm cho mình là phù hợp vì họ ký với ông T hợp đồng lao động ngắn hạn từ 2 – 4 tháng.

b) Theo quy định của Luật lao động, ông T chỉ phải đóng bảo hiểm y tế còn bảo hiểm xã hội và thất nghiệp do các công nhân tự đóng.

c) Việc làm của ông T là hành vi vi phạm pháp luật vì đã trốn đóng bảo hiểm cho người lao động.

d) Việc các nhà hảo tâm chung tay quyên góp hỗ trợ viện phí giúp anh M là phù hợp với chính sách trợ giúp xã hội.

**Câu 6:** Đọc đoạn thông tin sau:

Theo số liệu thống kê, năm 2023, toàn ngành BHXH Việt Nam đã giải quyết, chi trả đầy đủ, kịp thời cho 95.670 người hưởng lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng; 1.304.203 người hưởng các chế độ trợ cấp BHXH một lần; 8.849.210 lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe; phối hợp với ngành Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết 1.050.028 người hưởng trợ cấp thất nghiệp; 19.185 người hưởng hỗ trợ học nghề. Cùng với đó, cả nước có hơn 174,8 triệu lượt khám chữa bệnh BHYT, tăng trên 23,4 triệu lượt khám chữa bệnh so với năm 2022; số chi khám chữa bệnh BHYT khoảng 124,3 nghìn tỷ đồng…

a) Theo số liệu thống kê, năm 2023, toàn ngành BHXH Việt Nam đã giải quyết, chi trả đầy đủ, kịp thời cho 95.670 người hưởng lương hưu và trợ cấp BHXH hàng tháng là thể hiện vai trò của chính sách bảo hiểm xã hội.

b) Năm 2023 có 1.050.028 người hưởng trợ cấp thất nghiệp, chứng tỏ ở Việt Nam người bị thất nghiệp đều được hưởng chế độ này.

c) Tổng số lượt khám, chữa bệnh BHYT trong năm 2023 tăng hơn 23 triệu lượt so với năm 2022. Điều này cho thấy người dân đang lạm dụng quỹ BHYT, gây áp lực tài chính cho ngành BHXH Việt Nam.

d) Toàn ngành BHXH Việt Nam đã giải quyết cho 8.849.210 lượt người hưởng chế độ ốm đau, thai sản, dưỡng sức, phục hồi sức khỏe thuộc chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện.

**Câu 7:** Đọc đoạn thông tin sau:

Về kinh tế, từng bước thực hiện tăng trưởng xanh, phát triển năng lượng sạch; thực hiện sản xuất và tiêu dùng bền vững. Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016 - 2020 đạt trung bình 7%/năm, nâng mức thu nhập bình quân đầu người hằng năm tính theo GDP tăng lên 3.200 - 3.500 USD. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao đã góp phần mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Hệ thống bảo hiểm xã hội được hoàn thiện với nội dung và hình thức ngày càng phong phú, nhằm chia sẻ và trợ giúp thiết thực cho người tham gia bảo hiểm xã hội. Đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tăng đều hàng năm, tính đến 31-10-2019, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc là 14,915 triệu người, đạt 97,5% kế hoạch. Đến ngày 31-12-2018, tổng số người hưởng bảo hiểm xã hội hàng tháng do ngân sách nhà nước bảo đảm là 1,2 triệu người, giảm 1,3% so với năm 2017. Số đối tượng hưởng trợ cấp thất nghiệp, hỗ trợ học nghề tăng, được giới thiệu việc làm đều tăng mạnh.

a) Tăng trưởng kinh tế đã làm cho số người tham gia bảo hiểm xã hội giảm là phù hợp với mục tiêu của chính sách an sinh xã hội.

b) Giai đoạn 2016 – 2020 kinh tế Việt Nam tăng trưởng không bền vững khiến số đối tượng trợ cấp thất nghiệp và hỗ trợ học nghề tăng.

c) Số người tham gia bảo hiểm xã hội tăng vừa là chỉ tiêu để đánh giá sự tăng trưởng kinh tế vừa là mục tiêu của chính sách an sinh xã hội.

d) Nâng cao tỷ lệ người tham gia bảo hiểm xã hội trên tổng dân số là phù hợp với chính sách an sinh xã hội của nước ta trong các giai đoạn phát triển tiếp theo.

**Câu 8:** Đọc đoạn thông tin sau:

Năm 2016 Việt Nam chính thức ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu. Sau khi hiệp định có hiệu lực, nhận thấy các nước Châu Âu có nhiều ưu đãi về thuế quan và chính sách thương mai đối với các sản phẩm thân thiện với môi trường. Anh H sinh viên vừa tốt nghiệp ra trường đã quyết định khởi nghiệp với mô hình sản xuất ống hút thân thiện với môi trường. Với lợi thế xuất thân từ nông nghiệp, anh thấy tại địa phương có nhiều sản phẩm nông nghiệp có thể chế biến thành các sản phẩm ống hút có thẩm mỹ cao lại rất phù hợp với tiêu chí bảo vệ môi trường. Được ngân hàng chính sách xã hội huyện hỗ trợ cho vay 100 triệu đồng, anh đã đầu tư máy móc và trang thiết bị phục vụ sản xuất. Nhờ có hiểu biết về thị trường và sự hỗ trợ của cơ quan chức năng, sản phẩm ống hút do anh H sản xuất từng bước được xuất khẩu sang nhiều nước trong liên minh Châu Âu. Sản phẩm do anh H làm ra có mẫu mã đẹp, tính cạnh tranh cao, đặc biệt là rất phù hợp với tiêu chí về bảo vệ môi trường mà nhiều nước phát triển đặt ra.

a) Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Kinh tế Á – Âu là phù hợp với hình thức hợp tác toàn cầu mà Việt Nam đã và đang thúc đẩy trong kinh tế đối ngoại.

b) Việc nắm bắt lợi thuế về các sản phẩm nông nghiệp địa phương để sản xuất các sản phẩm phù hợp có giá trị kinh tế cao thể hiện anh H đã biết xác định chiến lược kinh doanh.

c) Quyết định khởi nghiệp bằng việc sản xuất ống hút thân thiện với môi trường mới dừng lại ở ý tưởng kinh doanh.

d) Anh H vừa thực hiện tốt trách nhiệm kinh tế vừa thực hiện tốt trách nhiệm đạo đức của chủ doanh nghiệp khi thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh.